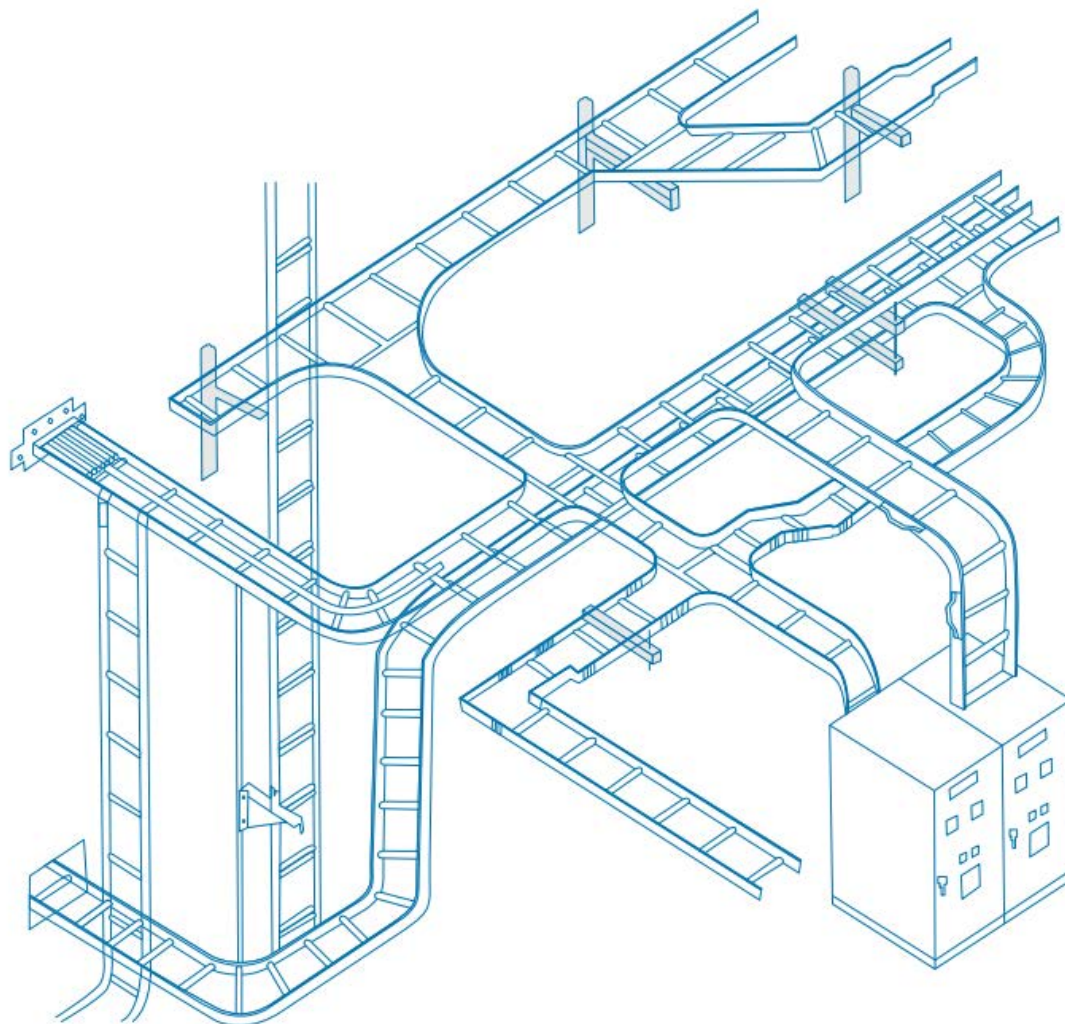


SAMETEL

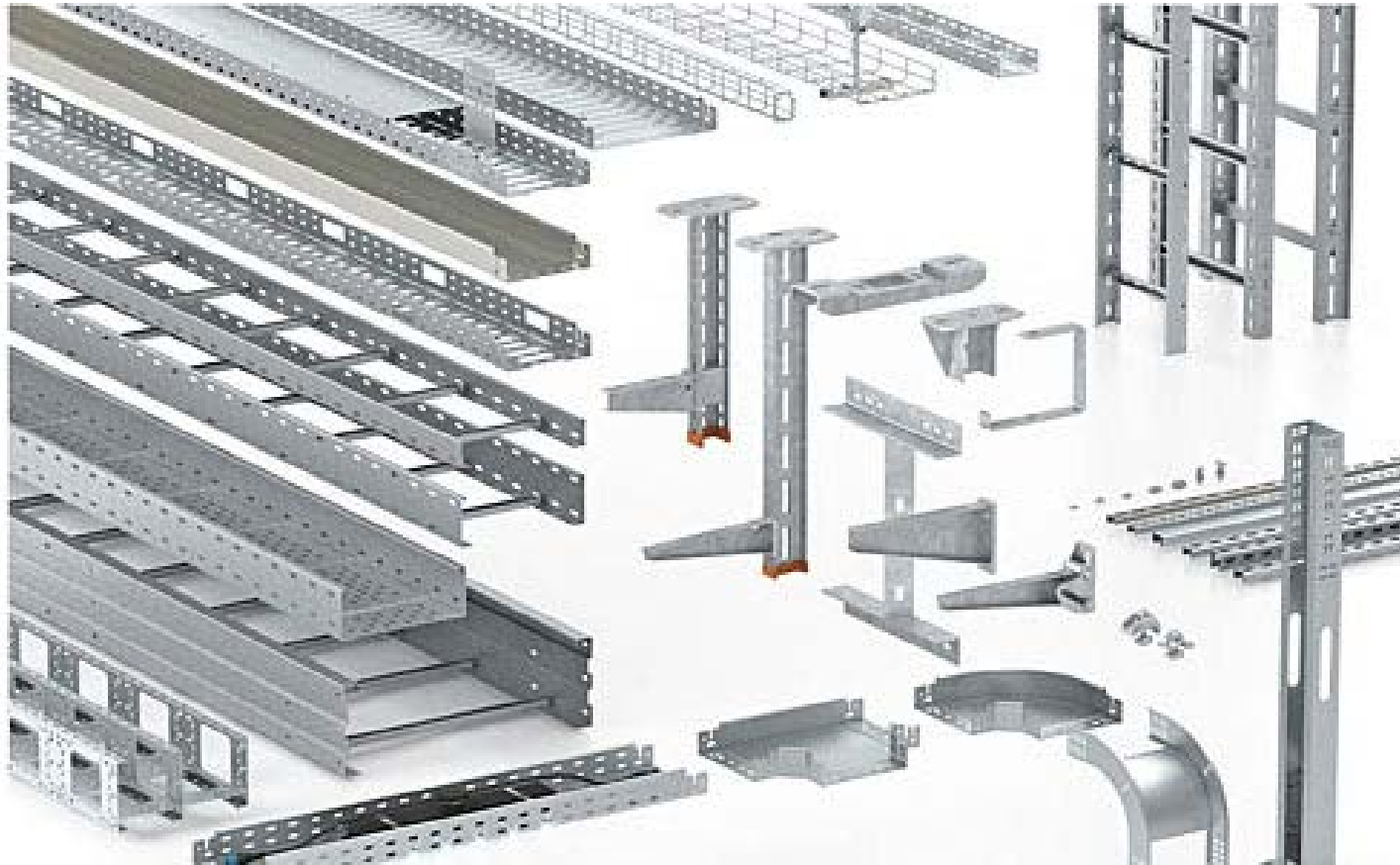
Power of future



CATALOGUE HỆ THỐNG THANG MÁNG CÁP

01 - Giới thiệu chung

- Hệ thống thang máng cáp của SAMETEL được thiết kế, sản xuất và kiểm tra nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015



VẬT LIỆU

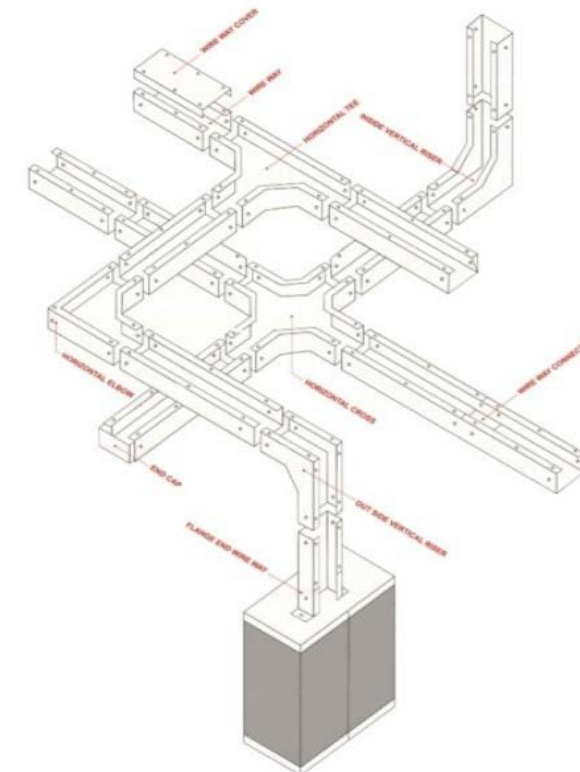
- Thép tấm cán nóng SPHC (JIS G3131)
- Tôn ZAM (JIS G3323-2012)
- Thép tấm mạ kẽm (JIS G3302)
- Inox SUS201, 304 & 316

HOÀN THIỆN

- Bề mặt tự nhiên của thép mạ kẽm / inox
- Sơn tĩnh điện.
(ASTM D3359-93, ASTM D3363-92A, ASTM D4138-94)
- Mạ nhúng nóng.
(AS/NZS 4680-2006, ASTM A123/A 123A1)

KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

- Rộng : 200 ÷ 1000mm
- Cao : 50 ÷ 200mm
- Độ dày : 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm
- Bán kính R : 200mm, 300mm, 450mm

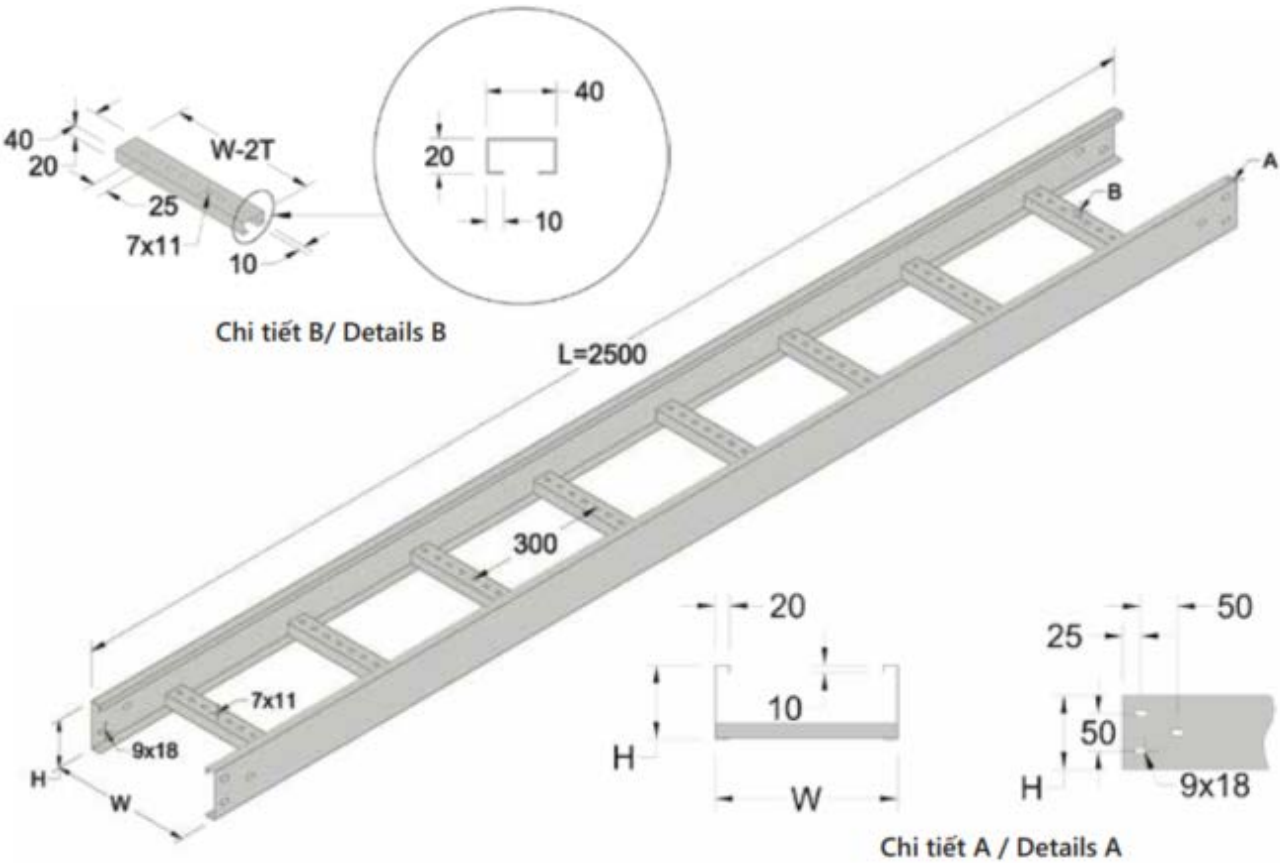


Triết lý kinh doanh

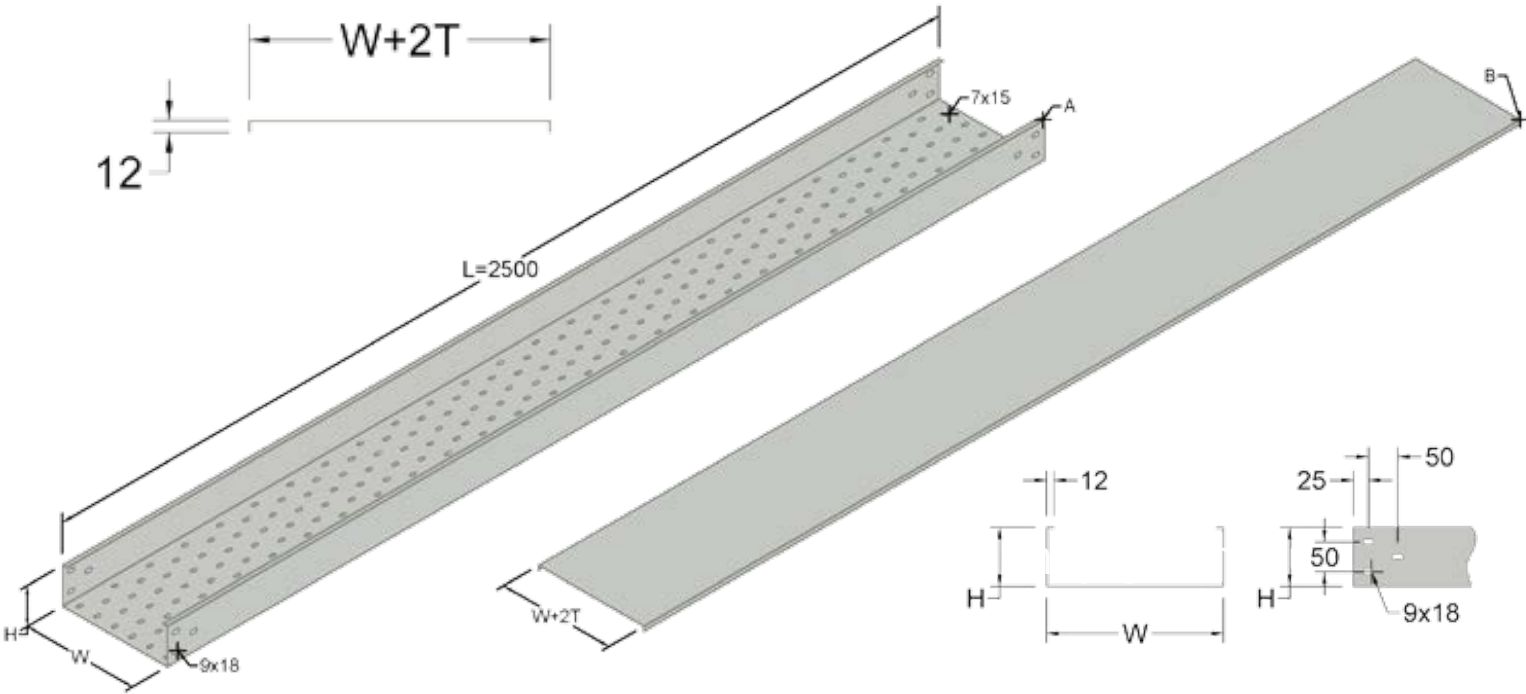
PHỤNG SỰ ĐỂ THÀNH CÔNG

"Khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động công ty, hướng đích cho giải pháp quản trị, kinh doanh và chỉ dẫn tới thượng cho cách hành xử của mỗi thành viên trong công ty"

02 - Thang cáp



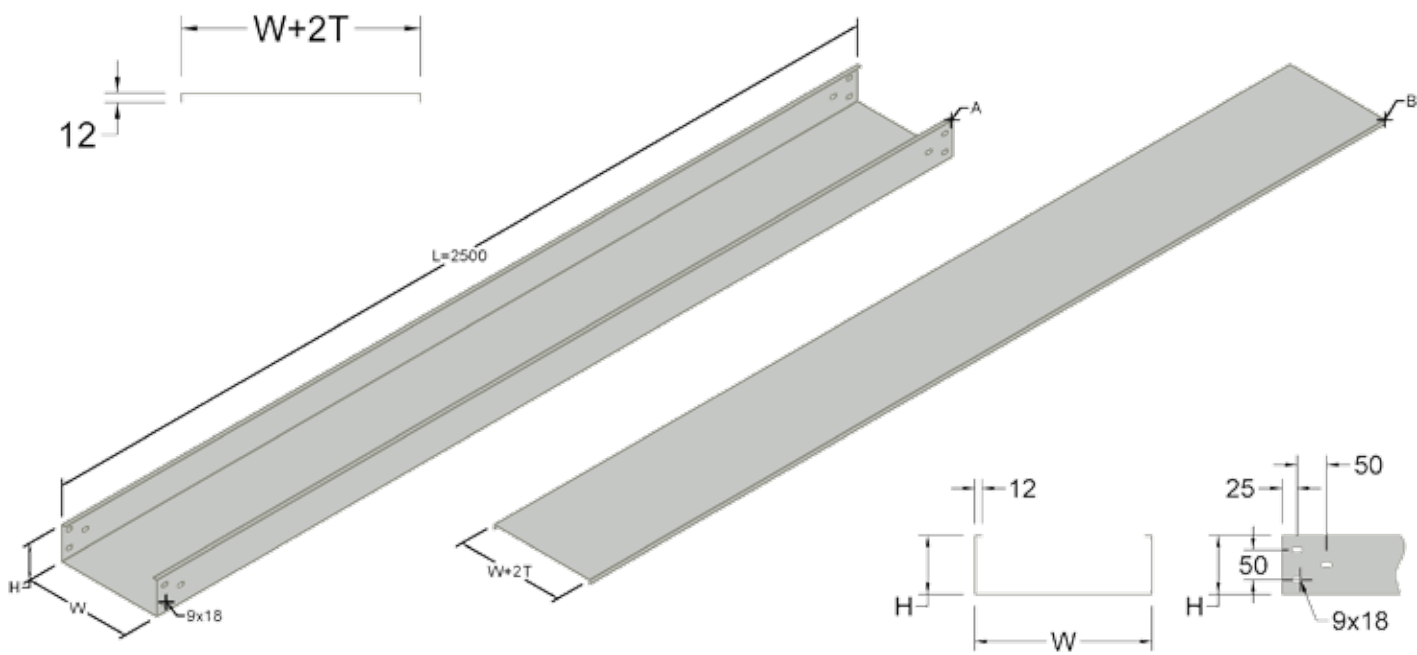
03 - Khay cáp



Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)
200 x 50	1.2	300 x 100	1.2	800 x 100	2.0
300 x 50	1.2	400 x 100	1.5	900 x 100	2.0
400 x 50	1.5	500 x 100	1.5	1000 x 100	2.0
200 x 100	1.2	600 x 100	1.5		

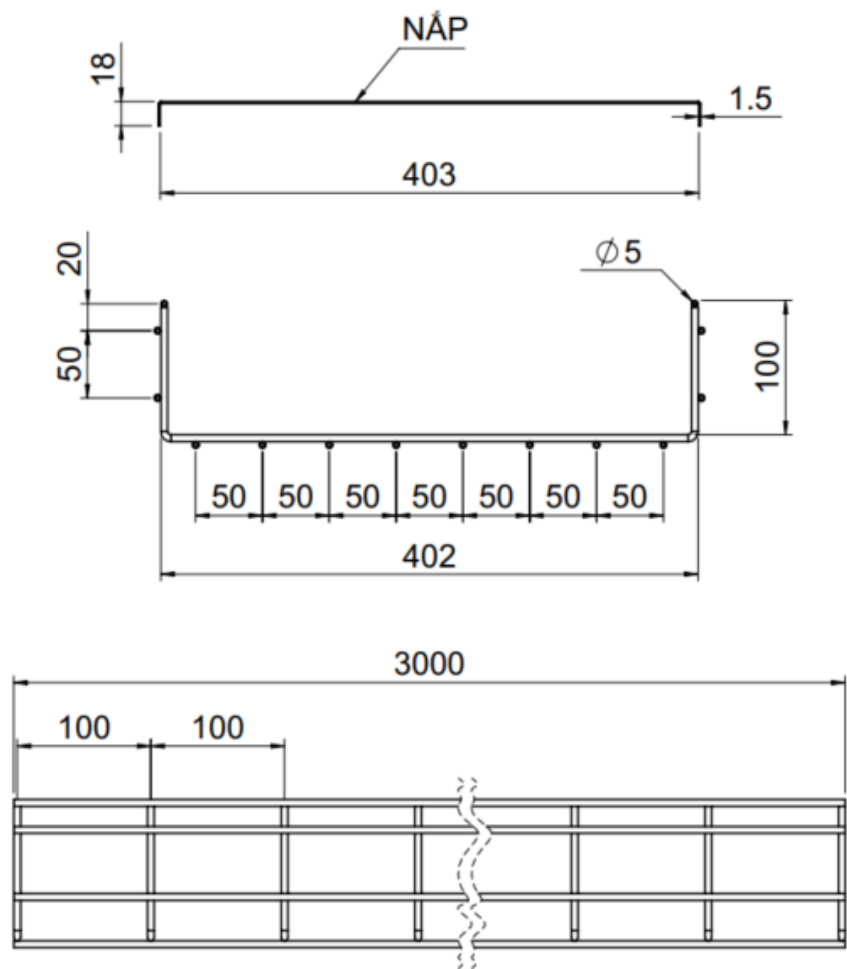
Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)
100 x 50	0.8	300 x 50	1.2	250 x 100	1.2
150 x 50	1.0	400 x 50	1.5	300 x 100	1.2
200 x 50	1.2	150 x 100	1.0	400 x 100	1.5
250 x 50	1.2	200 x 100	1.2		

04 - Máng cáp



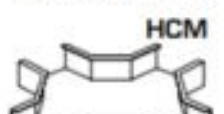
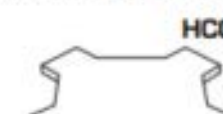
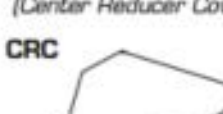
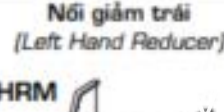
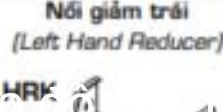
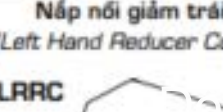
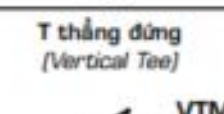
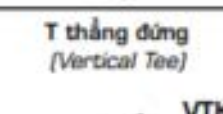
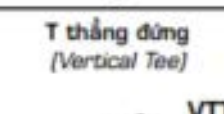
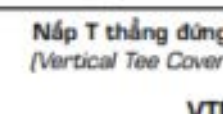
Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Kích thước Size (mm)	Độ dày Thickness (mm)
60 x 40	0.8	300 x 50	1.5	100 x 100	1.0
50 x 50	0.8	75 x 75	0.8	150 x 100	1.0
75 x 50	0.8	100 x 75	1.0	200 x 100	1.2
100 x 50	0.8	150 x 75	1.0	300 x 100	1.5
150 x 50	1.0	200 x 75	1.2	150 x 150	1.0
200 x 50	1.0	300 x 75	1.5	200 x 150	1.2
				300 x 150	1.5

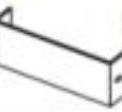
05 - Máng lưới



Mã sản phẩm máng lưới Product code Wire mesh cable tray/Cable basket tray	Cao Height	Rộng Width	Dài Lenght	Đường kính thép lưới Diameter
ML50/ML75/ML100-Rộng-Dài-Đường kính thép tròn-Hoàn thiện ML50/ML75/ML100-Width-Length-Diameter-Finish	mm	mm	m	mm
ML50/ML75/ML100-50-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	50	3000	5
ML50/ML75/ML100-100-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	100	3000	5
ML50/ML75/ML100-150-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	150	3000	5
ML50/ML75/ML100-200-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	200	3000	5
ML50/ML75/ML100-300-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	300	3000	5
ML50/ML75/ML100-400-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	400	3000	5
ML50/ML75/ML100-450-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	450	3000	5
ML50/ML75/ML100-500-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	500	3000	5
ML50/ML75/ML100-600-3000-5-EZ/HDG/PC/SS304	50	600	3000	5

06 - Phụ kiện Thang máng cáp

Phụ kiện máng cáp Cable Trunking Accessories	Phụ kiện khay cáp Cable Tray Accessories	Phụ kiện thang cáp Cable Ladder Accessories	Nắp Covers
Co ngang (Horizontal Elbow)  HEM	Co ngang (Horizontal Elbow)  HEK	Co ngang (Horizontal Elbow)  HET	Nắp co ngang (Horizontal Elbow Cover)  HEC
T ngang (Horizontal Tee)  HTM	T ngang (Horizontal Tee)  HTK	T ngang (Horizontal Tee)  HTT	Nắp T ngang (Horizontal Tee Cover)  HTC
Ngã 4 ngang (Horizontal Cross)  HCM	Ngã 4 ngang (Horizontal Cross)  HCK	Ngã 4 ngang (Horizontal Cross)  HCT	Nắp ngã 4 ngang (Horizontal Cross Cover)  HCC
Nối giảm đều (Center Reducer)  CRM	Nối giảm đều (Center Reducer)  CRK	Nối giảm đều (Center Reducer)  CRT	Nắp nối giảm đều (Center Reducer Cover)  CRC
Nối giảm phải (Right Hand Reducer)  RHR	Nối giảm phải (Right Hand Reducer)  RHRA	Nối giảm phải (Right Hand Reducer)  RHRB	Nắp nối giảm phải (Right Hand Reducer Cover)  RHRC
Nối giảm trái (Left Hand Reducer)  LHRM	Nối giảm trái (Left Hand Reducer)  LHRK	Nối giảm trái (Left Hand Reducer)  LHRT	Nắp nối giảm trái (Left Hand Reducer Cover)  LHRC
T thẳng đứng (Vertical Tee)  VTM	T thẳng đứng (Vertical Tee)  VTK	T thẳng đứng (Vertical Tee)  VTT	Nắp T thẳng đứng (Vertical Tee Cover)  VTN

Phụ kiện máng cáp Cable Trunking Accessories	Phụ kiện khay cáp Cable Tray Accessories	Phụ kiện thang cáp Cable Ladder Accessories	Nắp Covers
Co lên (Vertical Internal Elbow)  VEM	Co lên (Vertical Internal Elbow)  VEK	Co ngang (Horizontal Elbow)  HECL	Nắp co lên (Vertical Internal Elbow Cover)  VEN
Co xuống (Vertical External Elbow)  VEM	Co xuống (Vertical External Elbow)  VEK	Co xuống (Vertical External Elbow)  VET	Nắp co xuống (Vertical External Elbow Cover)  VEN
Bịt đầu (Blind End Cap)  BCM	Bịt đầu (Blind End Cap)  BEK	Bịt đầu (Blind End Cap)  BET	
Nối ngang dạng bản lề (Horizontal Hinge Connector)  HHM	Nối ngang dạng bản lề (Horizontal Hinge Connector)  HHK	Nối ngang dạng bản lề (Horizontal Hinge Connector)  HHT	
Nối đứng dạng bản lề (Vertical Hinge Connector)  VHM	Nối đứng dạng bản lề (Vertical Hinge Connector)  VHK	Nối đứng dạng bản lề (Vertical Hinge Connector)  VHT	
Nối thẳng (Straight Connector)  SCM	Nối thẳng (Straight Connector)  SCK	Nối thẳng (Straight Connector)  SCT	
Kẹp giữ chữ Z (Hold Down Clamp)  HDM	Kẹp giữ chữ Z (Hold Down Clamp)  HDK	Kẹp giữ chữ Z (Hold Down Clamp)  HDT	
Kẹp giữ chữ J (J - Lock)  JLM	Kẹp giữ chữ J (J - Lock)  LJK	Kẹp giữ chữ J (J - Lock)  JLJ	

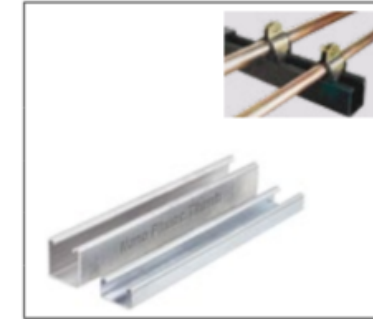
07 - Thanh chống đa năng và phụ kiện

1. Thanh C

1.1 Thanh C có đục lỗ (Slotted C Channel)

	Mã Sản Phẩm Product Code	Kích Thước Ống Size (inch)	Vật Liệu Độ Dày (Material/thickness)	Đặc Điểm Specification
	SCC414120	41 X 41 X 2.0	Thép mạ kẽm Thép nhúng nóng	Có đục lỗ 28 X 14
	SCC414125	41 X 41 X 2.5		
	SCC412120	41 X 21 X 2.0		
	SCC412125	41 X 21 X 2.5		

1.2 Thanh C không đục lỗ (C Channel)

	Mã Sản Phẩm Product Code	Kích Thước Ống Size (inch)	Vật Liệu Độ Dày (Material/thickness)	Đặc Điểm Specification
	CC414120	41 X 41 X 2.0	Thép mạ kẽm Thép nhúng nóng	Không đục lỗ
	CC414125	41 X 41 X 2.5		
	CC412120	41 X 21 X 2.0		
	CC412125	41 X 21 X 2.5		

2. Tay đỡ (Cantilever Arm)

- Vật liệu (Material): Thép mạ điện (Pre-galvanized Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- Độ dày (Thickness): 2.0 mm, 2.5mm

Mã sản phẩm (Loại có đục lỗ) 41 x 21 x 2mm/2.5 mm Tay đỡ đơn Product Code	Mã sản phẩm (Loại có đục lỗ) 41 x 41 x 2mm/2.5 mm Tay đỡ đơn Product Code	Mã sản phẩm (Loại có đục lỗ) 41 x 21 x 2mm/2.5 mm Tay đỡ đôi Product Code	Mã sản phẩm (Loại có đục lỗ) 41 x 41 x 2mm/2.5 mm Tay đỡ đôi Product Code	Độ dài tay đỡ (mm)
NTD21150	NTD41150	NTDD21150	NTDD41150	150
NTD21200	NTD41200	NTDD21200	NTDD41200	200
NTD21250	NTD41250	NTDD21250	NTDD41250	250
NTD21300	NTD41300	NTDD21300	NTDD41300	300
NTD21400	NTD41400	NTDD21400	NTDD41400	400
NTD21450	NTD41450	NTDD21450	NTDD41450	450
NTD21550	NTD41550	NTDD21550	NTDD41550	550
NTD21600	NTD41600	NTDD21600	NTDD41600	600
NTD21650	NTD41650	NTDD21650	NTDD41650	650
NTD21700	NTD41700	NTDD21700	NTDD41700	700
NTD21750	NTD41750	NTDD21750	NTDD41750	750



3. Kẹp giữ ống với thanh C

3.1 Tắt lò xo thanh C

(Long Spring Nut)

	
Mã Sản Phẩm Product Code	Kích Thước Ty Treo Size (mm)
LSN6	M6
LSN8	M8
LSN10	M10
LSN12	M12

3.3 Kẹp ống với thanh C

(Strut Clamp)

	
Mã Sản Phẩm Product Code	Kích Thước Size (inch)
SC050	1/2
SC075	3/4
SC100	1
SC125	1 1/4
SC150	1 1/2
SC200	2
SC250	2 1/2
SC300	3
SC350	3 1/2
SC400	4

3.2 Kẹp treo ống với ty ren

(Conduit Clamp with Thread Rod)

	
Mã Sản Phẩm Product Code	Kích Thước Ống Size (inch)
CCWT050	1/2
CCWT075	3/4
CCWT100	1
CCWT125	1 1/4
CCWT150	1 1/2
CCWT200	2

4. Đầu chụp thanh chống đa năng

(Plastic UniStrut End Cap)

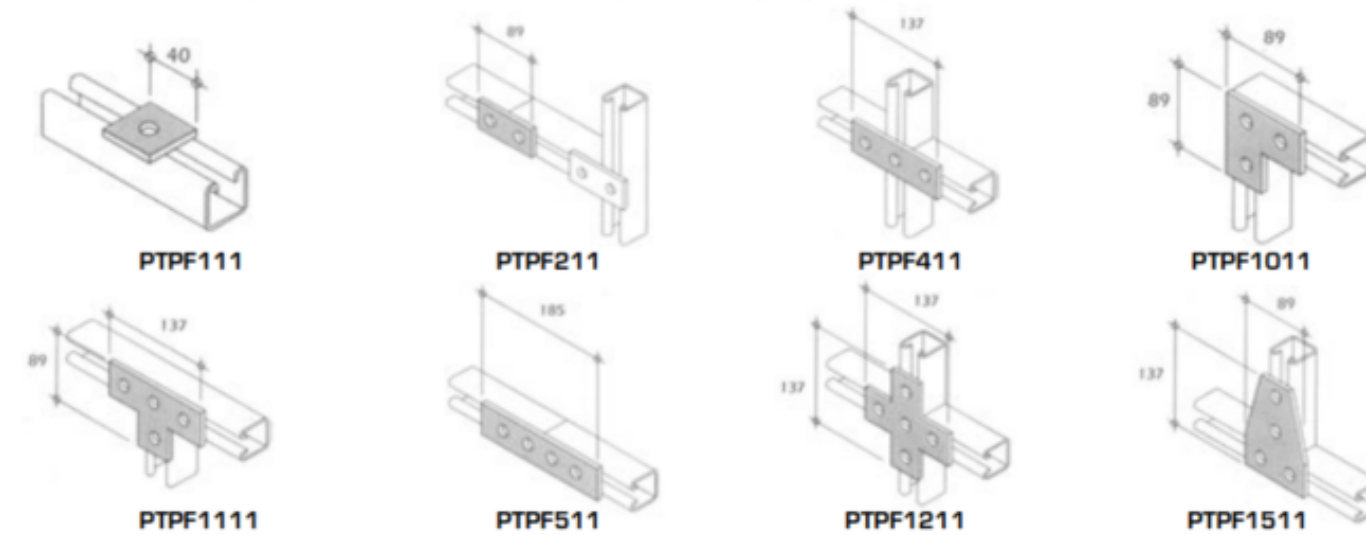
	
Mã Sản Phẩm Product Code	Kích Thước Size (inch)
BCC41X41	41 x 41
BUC41X21	41 x 21

07 - Thanh chống đa năng và phụ kiện

Đệm hình - Phụ kiện thanh C - Channel

(Flat Plate Fittings)

- Vật liệu (Material): Thép mạ điện (Electro - Galvanized Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot Dip Galvanized Steel)



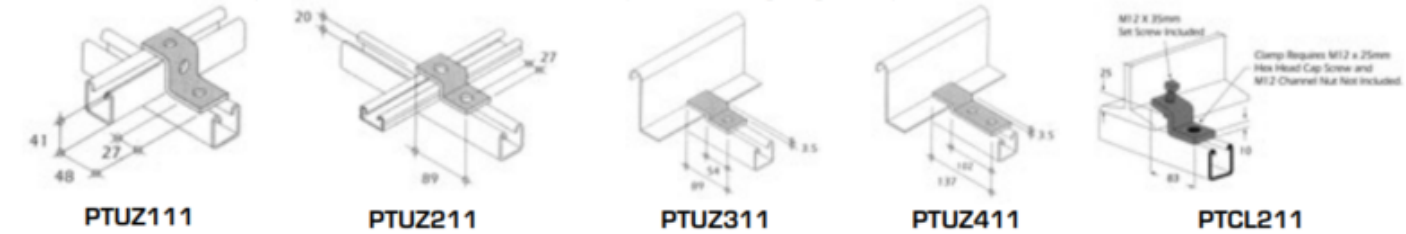
Đệm góc - Phụ kiện thanh C - Channel

(Angular Fittings)

Đệm chữ Z - Phụ kiện thanh C - Channel

("Z" Shape Fittings)

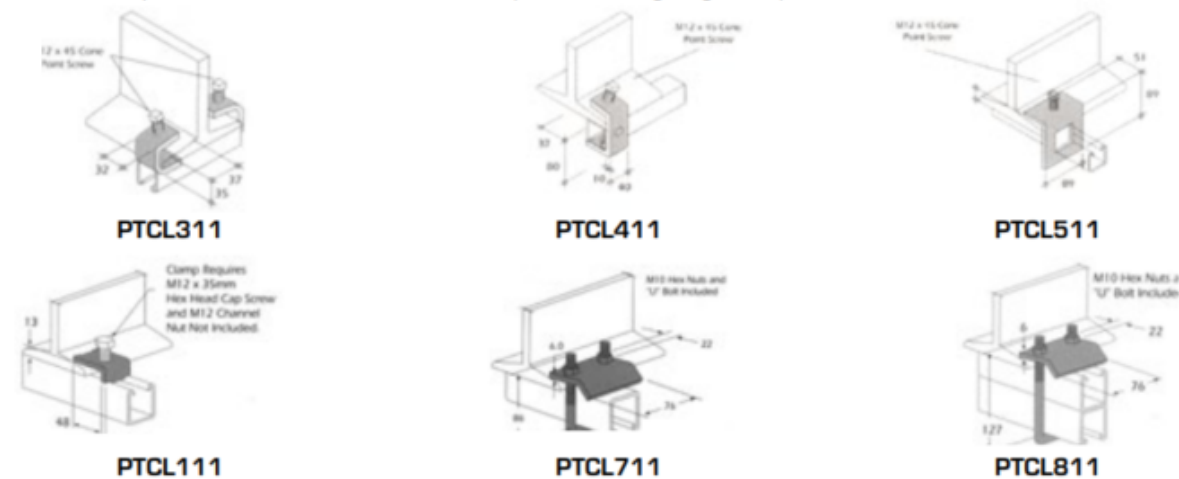
- Vật liệu (Material): Thép mạ điện (Electro - Galvanized Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot Dip Galvanized Steel)



Kẹp xà gỗ - Phụ kiện thanh C - Channel

(Beam Clamps)

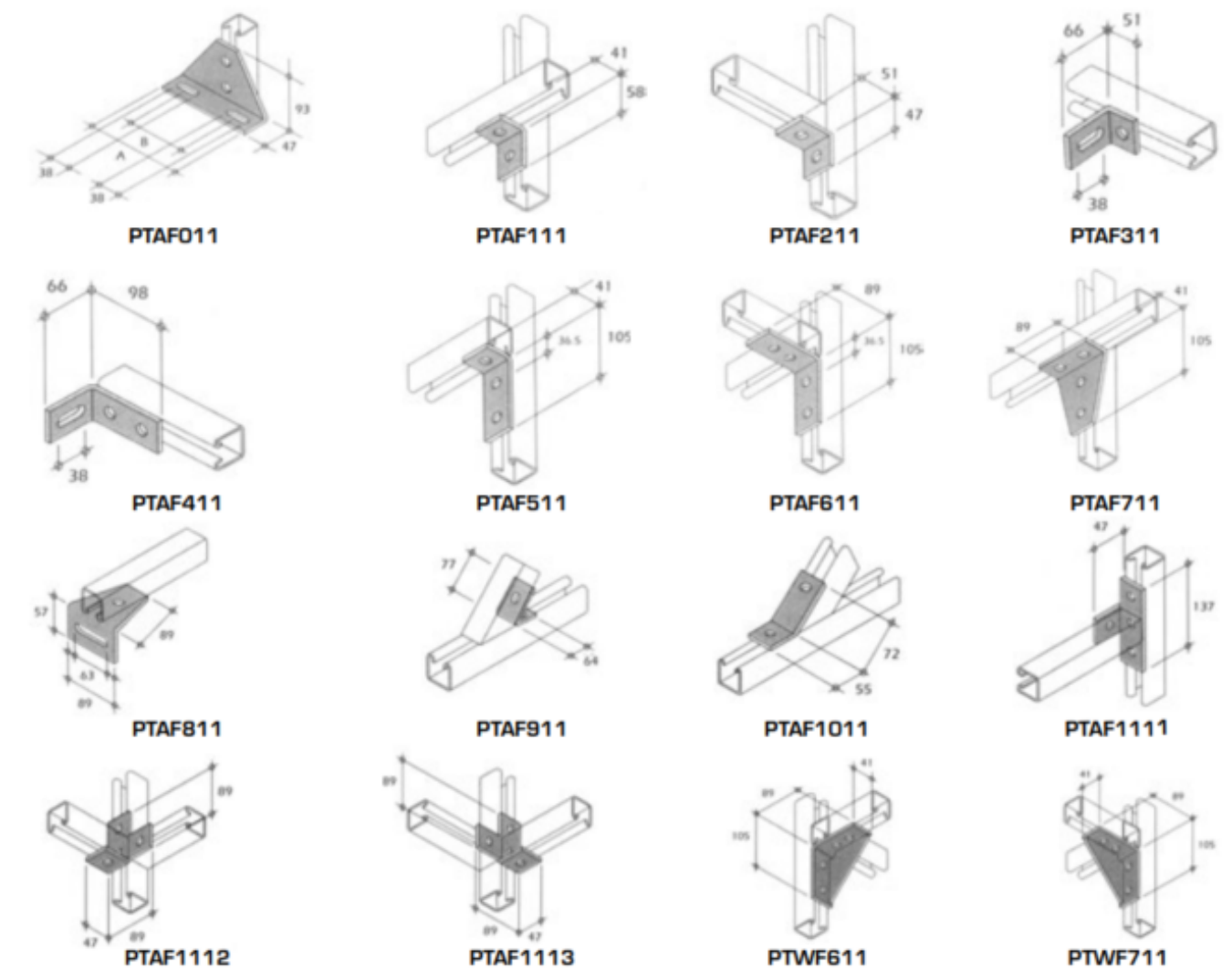
- Vật liệu (Material): Thép mạ điện (Electro - Galvanized Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot Dip Galvanized Steel)



Đệm góc - Phụ kiện thanh C - Channel

(Angular Fittings)

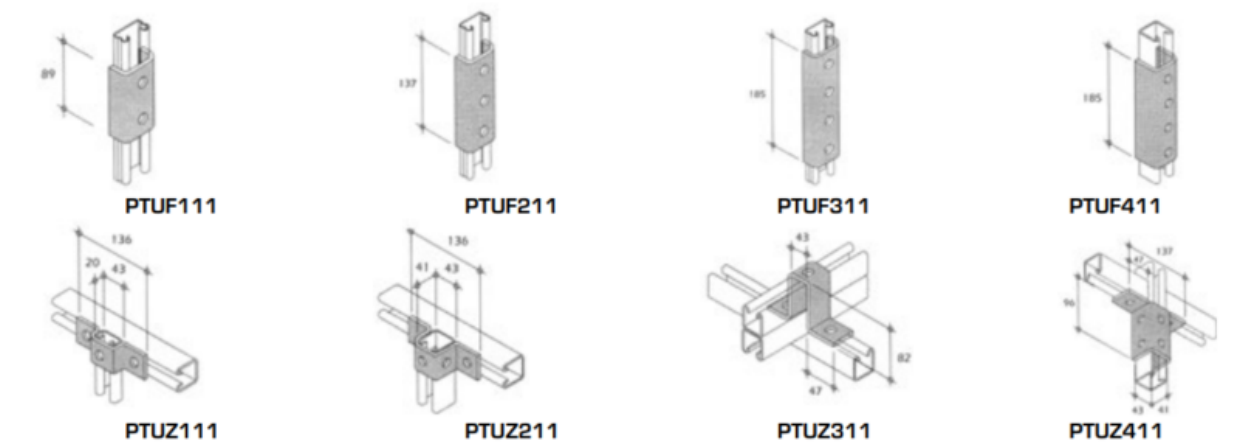
- Vật liệu (Material): Thép mạ điện (Electro - Galvanized Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot Dip Galvanized Steel)

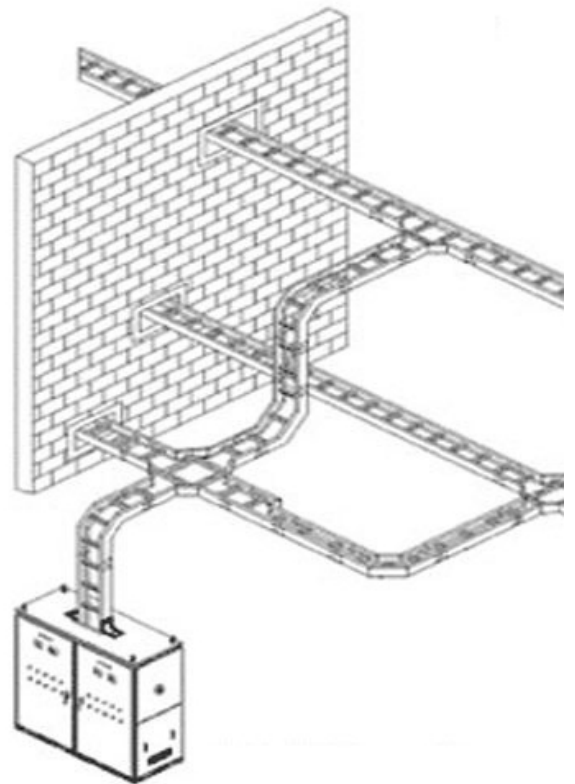
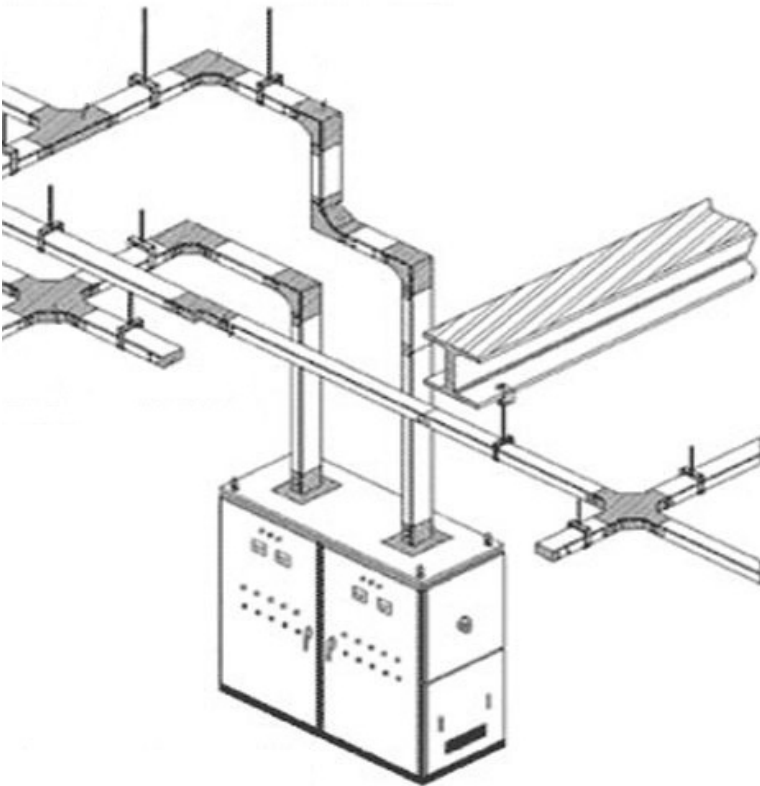


Đệm chữ U - Phụ kiện thanh C - Channel

("U" Shape Fittings)

- Vật liệu (Material): Thép mạ điện (Electro - Galvanized Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot Dip Galvanized Steel)





CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Trụ sở: KCN Long Thành, Đường số 1, X.Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai
m : (+ 84) 251 3514277 e: khkd@sametel.com.vn

VPĐD: Số 7- 9, đường số 7, KĐT Sala , Phường An Lợi Đông , TP. Thủ Đức, TP. HCM
m : (+ 84) 28 7777 9999 w : www.sametel.com.vn